

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Kinh tế; Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tô Quyên
2. Ngày tháng năm sinh: 27/09/1975; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;
Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không
3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒
4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 134/4 Đường số 8, Phường 16, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 145/35 C Nguyễn Đình Chính, Phường 11, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại di động: 0908252614; E-mail: quyennlhtt@ueh.edu.vn
7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):
 - Từ tháng 1/1997 đến tháng 8/1997: Nghiên cứu thị trường (market researcher) tại Thương Vụ Tổng Lãnh Sự Hàn Quốc (KOTRA)
 - Từ tháng 8/1997 đến tháng 7/2000: Phiên dịch kiêm thư ký tại Công ty sản xuất sản phẩm mại công nghiệp VINGAL
 - Từ tháng 8/2000 đến tháng 7/2007: Chuyên viên tại Công ty Thép Miền Nam
 - Từ tháng 7/2007 đến tháng 5/2011: Phó Trưởng Phòng kế hoạch hợp tác quốc tế tại Tổng công ty thép Việt Nam (văn phòng phía Nam)
 - Từ tháng 5/2011 đến tháng 4/2013: Phó Tổng giám đốc tại công ty cổ phần thép tấm Miền Nam

- Từ tháng 5/2013 đến tháng 7/2013: Tổng giám đốc tại công ty cổ phần thép tấm Miền Nam
- Từ tháng 8/2013 đến tháng 11/2018: Phó Trưởng Phòng hợp tác Quản lý khoa học, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ tháng 12/2018 đến 31/3/2023: Phó Trưởng Phòng hợp tác Quản lý khoa học, **Giảng viên**, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh
- Từ tháng 4/2023 đến tháng 12/2024: Giảng viên Khoa Quản lý nhà nước, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước, Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH)
- Từ tháng 12/2024 đến nay: Giám đốc chương trình đào tạo Quản lý công và Chính sách công trình độ Thạc sĩ, Khoa Quản lý nhà nước, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước (CELG), Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH)
- Từ tháng 3/2025 đến nay: Phó Trưởng khoa, Khoa Quản lý nhà nước, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước (CELG), Đại học kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH)

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH)

Địa chỉ cơ quan: 279 Nguyễn Tri Phương, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 028 39329065

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Chưa nghỉ hưu

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng Đại học (ĐH) ngày 18 tháng 09 năm 1997; số văn bằng: B 27567; ngành: Ngữ Văn Anh, chuyên ngành: Ngữ Văn Anh
- Nơi cấp bằng Đại học (ĐH) (trường, nước): Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Việt Nam
- Được cấp bằng Đại học (ĐH) ngày 23 tháng 03 năm 2001; số văn bằng: C 0110739; ngành: Kinh tế đối ngoại, chuyên ngành: Kinh tế đối ngoại
- Nơi cấp bằng Đại học (ĐH) (trường, nước): Trường Đại học Ngoại thương, Việt Nam
- Được cấp bằng Thạc sĩ (ThS) ngày 12 tháng 12 năm 2007; số văn bằng: 183/KTPT; ngành: Kinh tế Phát triển; chuyên ngành: Kinh tế Phát triển; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam) và Viện Khoa học Xã hội – ISS (Hà Lan)
- Được cấp bằng Tiến sĩ (TS) ngày 29 tháng 08 năm 2018; số văn bằng: 000084; ngành: Kinh tế; chuyên ngành: Kinh tế Phát triển; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Việt Nam).

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Kinh tế

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu: 1) Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững; 2) Kinh tế ứng dụng, tập trung vào các nguồn lực và sự phát triển của cá nhân và tổ chức; 3) Kinh tế học hành vi, tập trung vào sự lựa chọn của cá nhân/tổ chức

Hướng nghiên cứu 1: Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững

- Nội dung chính: Nghiên cứu các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững, với trọng tâm là vai trò của các nguồn lực như: (1) thể chế chính thức và phi chính thức (bao gồm cả vốn xã hội), (2) vốn trí tuệ, (3) tài chính, và (4) công nghệ. Các công trình tập trung đánh giá tác động của chất lượng thể chế, công nghệ (chuyển đổi số), và môi trường tài chính đối với hiệu quả tăng trưởng ở cấp vùng và quốc gia.
- Kết quả:
 - + Các công trình nghiên cứu liên quan đến vốn xã hội, thể chế và vai trò của công nghệ trong tăng trưởng kinh tế.
 - + Triển khai các công cụ phân tích định lượng hiện đại như phân tích fuzzy, PLS-SEM, phân tích ma trận hiệu suất – tầm quan trọng (IPMA), các kỹ thuật phân tích dữ liệu bảng, để lượng hóa mối quan hệ giữa các yếu tố đầu vào và kết quả tăng trưởng.
 - + Dẫn dắt các nghiên cứu có tính liên ngành, kết hợp giữa kinh tế học, quản trị công và công nghệ.
- Các công trình tiêu biểu:

STT	Tên công trình	Năm
1	Bài báo số 1: Vốn xã hội và tăng trưởng kinh tế	2014
2	Bài báo số 11: Integrating PLS-SEM with the Importance Performance Matrix Analysis to Exploring the Role of Provincial Competitiveness Index to Growth	2022
3	Bài báo số 12: The effect of institutions on productivity spillovers from FDI to domestic firms: Evidence in Vietnam	2022
4	Bài báo số 14: Evaluate Ho Chi Minh City Sustainability Using Fuzzy Extent Analysis Method	2022
5	Bài báo số 15: Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam	2022
6	Bài báo số 16: Does national intellectual capital matter for shadow economy in the Southeast Asian countries?	2022
7	Bài báo số 19: Vai trò của chuyển đổi số đối với tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam Bộ	2023
8	Bài báo số 29: Tham nhũng và kinh tế phi chính thức: Bằng chứng tại Việt Nam	2023
9	Bài báo số 30: The role of budget imbalance in public spending–underground economy nexus: evidence from OECD countries	2023
10	Bài báo số 41: Does public debt moderate government spending-informal economy nexus? Evidence from the Asian countries	2024
11	Chương sách thuộc NXB Springer Nature Singapore: Moderating Role of Governance in the Nexus of Economic Growth and	2025

	Renewable Energy Consumption: The Case of Southeast Asian Countries	
--	---	--

+ Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học với đề tài đạt giải **Nhì** cấp trường “Tiêu thụ năng lượng tái tạo tại Việt Nam, con đường hướng đến phát triển bền vững trong tương lai qua kinh nghiệm các nước châu Á” (Quyết định 1200/ĐHM ngày 20/5/2024)

Định hướng phát triển: Bước vào thập niên thứ ba của thế kỷ 21, những thách thức môi trường không tiền lệ đã trở nên nghiêm trọng. Ngoài ra, thế kỷ 21 đang đối đầu với hiện thực của cảnh báo từ thế kỷ 20 là giới hạn về môi trường sinh thái (liên quan đến việc sử dụng tài nguyên và phát thải) trong mô hình tăng trưởng (Meadows và cộng sự, 2018)¹. Trong bối cảnh đó, tôi sẽ tiếp tục mở rộng nghiên cứu về các nguồn lực cho phát triển bền vững. Hiện nay, tôi đang tiếp tục triển khai đề tài cấp Bộ theo hướng nghiên cứu này (Đề tài: Nghiên cứu vai trò quản trị nhà nước đối với chuyển đổi năng lượng ở Việt Nam và một số quốc gia khu vực Châu Á. Mã số: B2025-KSA-01 theo Quyết định số 1725/QĐ-BGDĐT ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

Hướng nghiên cứu 2: Kinh tế ứng dụng – Các nguồn lực cho sự phát triển cá nhân và tổ chức

- **Nội dung chính:** Tập trung vào việc ứng dụng kinh tế học trong việc phân tích và phát triển các nguồn lực cho cá nhân và tổ chức. Trọng tâm là vai trò của vốn xã hội trong việc nâng cao tính dẻo dai/khả năng phục hồi (resilience), chất lượng cuộc sống, đặc biệt trong bối cảnh đô thị hóa, di cư và khủng hoảng.
- **Kết quả:**
 - + Xây dựng các mô hình đo lường vốn xã hội theo hướng đa chiều và phù hợp với đặc thù văn hoá – xã hội Việt Nam.
 - + Nghiên cứu đánh giá tác động của vốn xã hội đối với tính dẻo dai của cá nhân và tổ chức, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- **Các công trình tiêu biểu:**

STT	Tên công trình	Năm
1	Bài hội thảo quốc tế số 2: Measuring social capital: the case for rural to urban migrant labourers in Ho Chi Minh City, Vietnam	2016
2	Bài báo khoa học số 4: Tổng quan về lý thuyết và khung đo lường vốn xã hội	2016
3	Bài báo quốc tế số 5: Calculating weights of social capital index using analytic hierarchy process	2016
4	Bài báo quốc tế số 6: Prioritization of social capital indicators using extent analysis method	2017
5	Bài báo số 22: Áp dụng mô hình cấu trúc bình phương bé nhất (PLS-SEM) trong mô hình đo lường vốn xã hội doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) tại Việt Nam	2023

¹ Meadows, D. H., Meadows, D. L., Randers, J., & Behrens, W. W. (2018). The limits to growth. In Green planet blues (pp. 25-29). Routledge.

6	Bài báo quốc tế số 39 : Social capital and Corporate Resilience: The case of small and medium enterprises in Vietnam	2024
7	Bài báo quốc tế số 44 : Exploring the Role of Social Capital in Urban Resilience for Sustainable Development: The Case of Ho Chi Minh City in Vietnam	2024
8	Sách tham khảo : Nghiên cứu vai trò của vốn xã hội đối với tính dẻo dai của doanh nghiệp Việt Nam	2024
9	Bài báo quốc tế số 47 : Measuring bonding, bridging and linking dimensions of social capital: the case of city-dwellers in Vietnam	2025

+ Hướng dẫn học viên cao học nghiên cứu đề tài:

- 1) Tác động của vốn xã hội đến sự tham gia của người dân vào cuộc vận động thực hiện nếp sống văn minh đô thị trên địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- 2) Những tác động của văn hoá tổ chức đến sự dẻo dai (resilience) của công chức trên địa bàn Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

+ Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học với các đề tài đạt giải như sau:

- 1) Đề tài đạt giải **Nhì** cấp trường “Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và các yếu tố khác đến chất lượng giấc ngủ của thanh niên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay” (Quyết định 1807/ĐHM ngày 26/6/2023)
- 2) Đề tài đạt giải **Nhì** cấp trường “Tính dẻo dai của nhóm tiêu thương tại Thành phố Hồ Chí Minh sau đại dịch Covid 19” (Quyết định 1807/ĐHM ngày 26/6/2023)

Định hướng phát triển: Tiếp tục nghiên cứu vốn xã hội trong bối cảnh chuyển đổi số, ứng phó biến đổi khí hậu, quản trị tổ chức công và tư. Đặc biệt, mở rộng hướng nghiên cứu sang kinh tế học hạnh phúc vì hạnh phúc là mục tiêu tối thượng mà mỗi cá nhân, chính phủ và quốc gia hướng đến (Zhou và cộng sự, 2021)². Liên Hợp Quốc cũng công nhận hạnh phúc là một trong những quyền cơ bản của con người và là một trong những mục tiêu ưu tiên trong việc thiết kế các chính sách công (UN,2011)³. Hiện nay, tôi đang triển khai tiếp định hướng nghiên cứu này với vai trò là chủ nhiệm đề tài “Lòng tin và hạnh phúc của cư dân đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh”. Mã số: CELG-CS-2024-14 theo Quyết định số 5528/QĐ-ĐHKT-KTLQLNN ngày 18/12/2024 của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Hướng nghiên cứu 3: Kinh tế học hành vi – Phân tích hành vi và lựa chọn

- Nội dung chính:

Phân tích hành vi lựa chọn, ra quyết định của cá nhân và tổ chức trong các lĩnh vực như giáo dục, khởi nghiệp, hành vi nghề nghiệp và quản trị dự án. Áp dụng các và các kỹ thuật ra quyết định đa tiêu chí mờ (fuzzy MCDM); PLS-SEM.

² Zhou, X., Chen, S., Chen, L., & Li, L. (2021). Social class identity, public service satisfaction, and happiness of residents: the mediating role of social trust. *Frontiers in Psychology*, 12, 659657.

³ UN (2011). Resolution adopted by the General Assembly on 19 July 2011. <https://digitallibrary.un.org/record/715187?ln=en&v=pdf>

- Kết quả:
 - + Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi lựa chọn nghề nghiệp, khởi nghiệp và học tập trong bối cảnh chuyển đổi số và công nghiệp 4.0.
 - + Triển khai các công cụ toán học như AHP, Grey system, và fuzzy để lượng hóa hành vi và ý định hành động của con người.

- Các công trình tiêu biểu:

STT	Tên công trình	Năm
1	Bài báo số 13 : Career path choice in the industry 4.0 using Grey Decision Making	2022
2	Bài báo số 27 : Impacts of ethical leadership, innovative climate on project success: the role of innovative behavior and time pressure	2023
3	Bài báo số 33 : Nghiên cứu các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh	2024
4	Bài báo số 34 : Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của thể hệ Z	2024
5	Bài báo số 35 : Khám phá mối quan hệ giữa nhận thức kiểm soát hành vi và ý định khởi nghiệp của sinh viên - Vai trò trung gian của định hướng khởi nghiệp	2024
6	Bài báo số 42 : E-learning Quality and the Learners' Choice Using Spherical Fuzzy Analytic Hierarchy Process Decision-making Approach	2024
7	Bài báo số 43 : Investigating the e-learning choice under the learners' perspective using demand driven learning model: insights from Vietnam	2024
8	Chủ nhiệm đề tài cấp Bộ : Áp dụng logic toán mờ trong đánh giá chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam;	2022
9	Đề tài cấp cơ sở : Ứng dụng quy trình thứ bậc phân tích để đánh giá chất lượng nguồn nhân lực thông qua xếp hạng các tiêu chuẩn năng lực trong bối cảnh công nghiệp 4.0. Trường hợp áp dụng: người lao động có trình độ đại học tại TP.HCM	2022

+ Hướng dẫn học viên cao học với luận văn: Các yếu tố quyết định sự lựa chọn phương thức học tập trực tuyến (E-learning) của người học

+ Hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học với đề tài đạt giải **Nhất** cấp trường “Phân khúc thị trường Gen Z trên thị trường thực phẩm bền vững ở Thành phố Hồ Chí Minh - Việt Nam” (Quyết định 1807/ĐHM ngày 26/6/2023)

- Định hướng phát triển: Tiếp tục khai thác các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi kinh tế của các nhóm đặc thù (sinh viên, nhân viên, công chức) trong bối cảnh chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, toàn cầu hóa và phát triển bền vững. Tăng cường ứng dụng kinh tế học hành vi trong thiết kế chính sách công và quản trị chiến lược tổ chức.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu; 01 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu;
- Đã công bố 47 bài báo khoa học, trong đó 22 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: có 01 chương sách (tác giả chính) thuộc nhà xuất bản Springer và 01 sách tham khảo (đồng chủ biên) thuộc nhà xuất bản có uy tín (Nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh);
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” giai đoạn 2016-2020 (Quyết định số 1519/QĐ-BGDĐT)
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ba năm liên tục từ năm học 2016-2017 đến năm học 2018-2019 (Quyết định số 1377/QĐ-BGDĐT)
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2015-2016 đến năm học 2016-2017 (Quyết định số 988/QĐ-BGDĐT)
- Bằng khen của Ban chấp hành Đảng bộ Trường Đại học Mở Thành Phố Hồ Chí Minh đạt tiêu chuẩn Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2021 (Quyết định số 56-QĐ/ĐU)
- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học: 2013-2014 (Quyết định 895/QĐ-ĐHM ngày 26 tháng 8 năm 2014)
- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học: 2014-2015 (Quyết định 1177/QĐ-ĐHM ngày 21 tháng 9 năm 2015)
- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học: 2015-2016 (Quyết định 1683/QĐ-ĐHM ngày 26 tháng 10 năm 2016)
- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học: 2016-2017 (Quyết định 1493/QĐ-ĐHM ngày 21 tháng 9 năm 2017)
- Bằng khen của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở năm học: 2018-2019 (Quyết định 2465/QĐ-ĐHM ngày 05 tháng 11 năm 2019)
- Bằng khen của Giám đốc Đại học Kinh tế Thành Phố Hồ Chí Minh đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển của Khoa Quản lý nhà nước, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý nhà nước UEH (Quyết định 550/QĐ-ĐHKT-QTNL ngày 22 tháng 02 năm 2024)

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không có

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SU/PHÓ GIÁO SU

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Với hơn 10 năm làm việc trong Trường đại học, trong đó có hơn 6 năm trực tiếp tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tôi tự đánh giá mình là một giảng viên nghiêm túc, luôn tuân thủ luật pháp và quy định của tổ chức, có tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, khách quan, yêu nghề và đam mê giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Tôi luôn tự hào vì đã đóng góp cho các tổ chức giáo dục nơi tôi công tác nói riêng và nền giáo dục nước nhà nói chung. Tôi luôn được Thầy/Cô và đồng nghiệp hướng dẫn, hỗ trợ và hợp tác trong công việc. Dựa trên các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo, tôi tự đánh giá bản thân như sau:

Về công tác đào tạo đại học và sau đại học:

Tôi được Khoa chuyên môn tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (Khoa Kinh tế và Quản lý Công, Khoa Đào tạo đặc biệt và Khoa Sau đại học) và Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Khoa Quản lý nhà nước, Khoa kinh tế, Trường Kinh tế, Luật và Quản lý Nhà nước) phân công giảng dạy bằng tiếng Việt và tiếng Anh cho bậc đào tạo đại học (chính quy, chất lượng cao) và sau đại học. Về kiến thức và phương pháp giảng dạy, tôi luôn có sự cập nhật phù hợp cho từng đối tượng người học trên cơ sở đề cương đã được phê duyệt để đảm bảo luôn đạt mục tiêu của học phần. Bên cạnh đó, tôi tham gia Ban chuyên trách viết báo cáo chương trình đào tạo tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, tôi là thành viên của tổ công tác thực hiện hoạt động rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) giai đoạn 2025-2030 nhằm xây dựng Chuẩn đầu ra cấp UEH, cấp Trường thành viên và khung chương trình đào tạo chung của UEH các trình độ đại học, thạc sĩ và tiến sĩ và các công việc khác liên quan theo phân công của Giám đốc UEH. Tôi luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy với điểm đánh giá hài lòng cao từ người học. Công việc giảng dạy cụ thể của tôi như sau:

- Bậc đại học: giảng dạy các môn học bao gồm: phương pháp nghiên cứu khoa học, kinh tế lượng, kinh tế lao động, kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô, kinh tế học, phát triển bền vững. Ngôn ngữ giảng dạy bao gồm: tiếng Anh và tiếng Việt
- Bậc sau đại học: giảng dạy các môn học bao gồm: kinh tế phát triển, kinh tế xây dựng nâng cao, phương pháp nghiên cứu khoa học, phương pháp phân tích định lượng. Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Việt. Ngoài ra, tôi đã hướng dẫn thành công 05 học viên cao học (đã được cấp bằng Thạc sĩ).

Về nghiên cứu khoa học: tôi có niềm đam mê nghiên cứu khoa học và đã tham gia nghiên cứu khoa học (công bố bài báo khoa học) khi còn là Thạc sĩ. Cho đến nay, tôi đã công bố 47 công trình khoa học, trong đó có 22 bài báo khoa học được đăng tải trên các tạp chí quốc tế có uy tín, thuộc danh mục ISI/Scopus, với 04 bài báo quốc tế uy tín và 01 chương sách thuộc nhà xuất bản Springer là tác giả chính (tác giả đầu/tác giả liên hệ). Ngoài ra, tôi đã tham gia biên soạn và xuất bản 01 quyển sách tham khảo (đồng chủ biên và tác giả các chương sách) thuộc nhà xuất bản Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh. Với vai trò là chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học, tôi đã hoàn thành và được nghiệm thu 01 đề tài NCKH cấp Bộ; 01 NCKH cấp cơ sở. Tôi cũng đã lan toả niềm đam mê NCKH đến sinh viên và đã hướng dẫn nhiều nhóm sinh viên nghiên cứu khoa học, trong đó có 01 nhóm đạt giải Nhất cấp trường, 03 nhóm đạt giải Nhì cấp trường (Quyết định 1807/QĐ-ĐHM ngày 26/6/2023 và

Quyết định 1200/QĐ-ĐHM ngày 20/5/2024). Bên cạnh đó, tôi cũng đã tham gia nhiều hoạt động liên quan đến xây dựng năng lực (capacity building) và phục vụ cộng đồng với một số ghi nhận như sau:

- + 2018 Best Practice Award (Silver Medal) cho công trình: “Ranking criteria for E-learning adoption: The case of Vietnam”. Tác giả: Nguyen Le Hoang Thuy To Quyen & Doan Ho Dan Tam, tại hội thảo thường niên lần thứ 32 của Hiệp hội các trường đại học mở Châu Á (AAOU);
- + Thành viên thực hiện các dự án thuộc chương trình Erasmus+: TRUST (Quyết định số 141/QĐ -ĐHM ngày 22/1/2020); RecoASIA (Quyết định số 1247/QĐ-ĐHM ngày 30/6/2020); INCREASE (Quyết định số 2141/QĐ-ĐHM ngày 1/11/2021)
- + Thành viên Hội đồng quản trị của SEAMEO SEPS (SEAMEO Regional Centre for Sufficiency Economy Philosophy for Sustainability), nhiệm kỳ 2019-2022.
- + Thành viên hội đồng chấm giải thưởng tài năng trẻ sáng tạo tại hội thảo thường niên lần thứ 35 (năm 2022) của Hiệp hội các trường đại học mở Châu Á (AAOU)
- + Thành viên hội đồng Khoa Kinh tế và Quản lý công, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 3064/QĐ-ĐHM ngày 15/12/2020)
- + Thư ký hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (Quyết định số 2276/QĐ-ĐHM ngày 5/9/2022)
- + Tham gia tổ công tác thực hiện kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương đào tạo của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2025-2030 (Quyết định số 393/QĐ-ĐHKT-BĐCLKSNN ngày 7/2/2025)
- + Tham gia tổ xây dựng đề án chiến lược phát triển Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) giai đoạn 2025-2030, tầm nhìn 2045, đề án “UEH City University Hub” (KH số 751/KH-ĐHKT-PTTCNL ngày 2/4/2025)
- + Phản biện cho các tạp chí quốc tế và trong nước như: Applied Economics (<https://orcid.org/0000-0001-9254-2605>); Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (tiếng Việt và tiếng Anh); Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á (JABES-tiếng Việt); Tạp chí Khoa học Đại học Quốc tế Hồng Bàng; Tạp chí Quản lý và Kinh tế Quốc tế;
- + Session Chair cho các hội thảo quốc tế chuyên ngành (The International Conference on Economics, Law and Government – ELG 2024 Approaches to the twin transitions: digitalization and climate change in developing countries; The Joint Asia Conference on Business and Economic Studies, 2024)

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 06 năm 07 tháng tính từ tháng 1/12/2018 đến 30/6/2025
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020					45	45	90/112,5/81(*)
2	2020-2021			02		135	65	200/242,5/81(**)
3	2021-2022		01			270	90	360/405/81(**)
03 năm học cuối								
4	2022-2023		01			180	66	246/312/81 (**)
5	2023-2024		01	03		105	180	285/375/270 (***)
6	2024-2025		01			225	75	300/412,5/270 (***)

(*) Quyết định số 1290/QĐ-ĐHM ngày 30/8/2016 về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu

(**) Quyết định số 1139/QĐ-ĐHM ngày 21/5/2021 về việc ban hành Quy định về chế độ làm việc của giảng viên cơ hữu

(***) Quy định số 3170/QyĐ-ĐHKT-QTNL ngày 25/9/2023 về chế độ làm việc đối với giảng viên Trường Đại học Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐ ; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☒

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn số bằng: B 27567; năm cấp: 1997

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☒

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Chương trình Chất lượng cao của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (Môn học: Kinh tế vi mô); Chương trình tiếng Anh của Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (Môn học: Kinh tế học; Phát triển bền vững)

d) Đối tượng khác ☐ ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân ngành Ngữ văn Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Chung Tuyết Minh		x	x		19/3/2020-11/8/2021	Trường Đại học Mở TP.HCM	QĐ số 1631/QĐ-ĐHM ngày 11/8/2021
2	Lê Giang Phương Bình		x	x		16/6/2020-11/8/2021	Trường Đại học Mở TP.HCM	QĐ số 1631/QĐ-ĐHM ngày 11/8/2021
3	Dương Thị Cẩm Hồng		x	x		2/6/2023	Đại học Kinh tế TP.HCM	QĐ số 79/QĐ-ĐHK-TĐTSĐH ngày 5/1/2024
4	Trần Thị Kim Quy		x	x		2/6/2023	Đại học Kinh tế TP.HCM	QĐ số 79/QĐ-ĐHK-TĐTSĐH ngày 5/1/2024
5	Nguyễn Thị Thanh Thiện		x	x		2/6/2023	Đại học Kinh tế TP.HCM	QĐ số 79/QĐ-ĐHK-TĐTSĐH ngày 5/1/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận TS						
	Không có						
II	Sau khi được công nhận TS						
1	Nghiên cứu vai trò của vốn xã hội đối với tính dẻo dai của doanh nghiệp Việt Nam	TK	Nhà XB Kinh tế TP.HCM, 2024	3	2	11-101	Giấy xác nhận sử dụng sách số 40/ĐHK-TNCPTGKTC ngày 11/6/2025
2	Moderating Role of Governance in the Nexus of Economic Growth and Renewable Energy Consumption: The Case of Southeast Asian Countries; https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-981-96-0628-3_10 DOI: 10.1007/978-981-96-0628-3_10	TK	Springer Nature Singapore Pte Ltd, 2025	2	Tác giả chính	165-188	Giấy xác nhận sử dụng sách số 40/ĐHK-TNCPTGKTC ngày 11/6/2025

Trong đó: Có **01** sách tham khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản (Nhà XB Kinh tế TP.HCM) và **01** chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản (Nhà XB Springer Nature Singapore Pte Ltd), mà ứng viên là chủ biên/tác giả chính sau TS.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PC N/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1					
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Áp dụng logic toán mờ trong đánh giá chất lượng giáo dục đại học ở Việt Nam	CN	B2020-MBS-01 Cấp Bộ	1/2020 - 5/2022	Nghiệm thu ngày 7/6/2022 Xếp loại: Đạt
2	Ứng dụng quy trình thứ bậc phân tích để đánh giá chất lượng nguồn nhân lực thông qua xếp hạng các tiêu chuẩn năng lực trong bối cảnh công nghiệp 4.0. Trường hợp áp dụng: người lao động có trình độ đại học tại TP.HCM	CN	T2018.11.2 Cấp cơ sở	9/2018- 6/2019	Nghiệm thu ngày 18/6/2019 Xếp loại: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (*) (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Vốn xã hội và tăng trưởng kinh tế https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/743	2		Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HCĐG GSNN	4	3(36), 3-15	2014
2	Measuring social capital: the case for rural to urban migrant labourers in Ho Chi Minh City, Vietnam https://www.researchgate.net/profile/Florin-Aliu/publication/317267191_FUTURE_PROSPECTS_OF_COMPANY_VALUATION_page_1-8/links/592f0dcca6fdcc89e774eb25/FUTURE-PROSPECTS-OF-COMPANY-VALUATION-page-1-8.pdf https://www.webofscience.com/wos/woscc/full-record/WOS:000471168600044	2	Tác giả liên hệ	The 3rd International Conference on Finance and Economics Ton Duc Thang University, Ho Chi Minh City, Vietnam June 15th-17th, 2016: ISBN: 978-80-7454-598-6	Kỷ yếu hội thảo được đăng ký chỉ mục WOS		533-547	2016
3	Measurement of career success: the case of rural to urban migrant labourers in Ho Chi Minh City, Vietnam https://dlib.neu.edu.vn/server/api/core/bitstreams/abf02481-1e0a-48ce-9454-bd529e3c0143/content	3	Tác giả liên hệ	Journal of Economics & Development; ISSN: 1859-0020; e-2632-5330	Tạp chí thuộc HCĐG GSNN	1	18(3) 108-120	2016

4	Tổng quan về lý thuyết và khung đo lường vốn xã hội https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/690	1	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN	4	1(46), 78-87	2016
5	Calculating weights of social capital index using analytic hierarchy process https://dergipark.org.tr/en/download/article-file/364879	4		International Journal of Economics and Financial Issues; ISSN: 2146-4138	Scopus	33	6(3), 1189 - 1193	2016
6	Prioritization of social capital indicators using extent analysis method https://doi.org/10.21833/ijaas.2017.010.009	3	Tác giả đầu	International Journal of Advanced and Applied Sciences; ISSN: 2313-626X; e-ISSN: 2313-3724	WoS (Emerging Sources Citation Index)	11	4(10), 54-57	2017
II Sau khi được công nhận TS								
7	Extended Fuzzy Analytical Hierarchy Process Approach in Determinants of Employees' Competencies in the Fourth Industrial Revolution https://dx.doi.org/10.14569/IJACSA.2019.0100417	4		International Journal of Advanced Computer Science and Applications (IJACSA); ISSN: 23133724, 2313626X	Q4	14	10(4), 150-154	2019
8	Key factors affecting construction wastes in Vietnam https://www.science-gate.com/IJAAS/2019/V6I10/1021833ijaas201910004.html	4		International Journal of Advanced and Applied Sciences (IJAAS): eISSN: 2313-3724; ISSN: 2313-626x	Q4		6(10), 19-24	2019
9	Xếp hạng các công cụ sản xuất tinh gọn: Trường hợp ngành sản xuất thép tại Việt Nam https://tapchikhoahochongbang.vn/js/article/view/186	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, ISSN: 2615 - 9686	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		15(2), 39-48	2021

10	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự tạo lập thành công hệ thống E-learning trong bối cảnh Việt Nam	3	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Kỷ yếu hội thảo khoa học: Quy định, điều kiện và giải pháp phát triển phương thức E-learning trong giáo dục đại học tại Việt Nam, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM; ISBN: 978-604-73-8797-7	Hội thảo quốc tế		59-92	2022
11	Integrating PLS-SEM with the Importance Performance Matrix Analysis to Exploring the Role of Provincial Competitiveness Index to Growth https://www.aasmr.org/jsms/Vol12/JSMS%20august%202022/Vol.12.No.04.22.pdf	5		Journal of System and Management Sciences. ISSN 1816-6075 (Print), 1818-0523 (Online)	Q3		12(4), 365-382	2022
12	The effect of institutions on productivity spillovers from FDI to domestic firms: Evidence in Vietnam https://www.econstor.eu/handle/10419/305849	3		Global Business & Finance Review (GBFR); ISSN: 2384-1648	Q4	7	27(3), 28-40	2022
13	Career path choice in the industry 4.0 using Grey Decision Making https://www.aasmr.org/jsms/Vol12/JSMS%20OCT%202022/Vol.12.No.05.16.pdf	5		Journal of System and Management Sciences. ISSN 1816-6075 (Print), 1818-0523 (Online)	Q3		12(5), 268-281	2022
14	Evaluate Ho Chi Minh City Sustainability Using Fuzzy Extent Analysis Method https://www.iieta.org/journals/ijsdp/paper/10.18280/ijsdp.170834	3		International Journal of Sustainable Development and Planning; ISSN 1743-7601 (Print): 1743-761X (Online)	Q3	2	17(8), 2649 - 2654	2022
15	Các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế tại vùng kinh tế trọng điểm phía Nam https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/2103	2	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		17(5), 126-139	2022
16	Does national intellectual capital matter for shadow economy in the Southeast Asian countries? https://doi.org/10.1371/journal.pone.0267328	5		Plos One. ISSN: 19326203	Q1, IF=2.9	15	17(5), 1-19	2022
17	Child health and maternal health knowledge: Evidence from Vietnam	3		International Journal of Public Health Science (IJPHS). ISSN: 22528806, 26204126	Q4	1	11(2), 730-738	2022

	http://doi.org/10.11591/ijphs.v1i12.21469							
18	Ranking criteria of university lecturers' happiness index in Ho Chi Minh City, Vietnam https://vhu.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/tckh/8.3/Huynh%20Dang%20Bich%20Vy&cs.pdf	2		Tạp chí khoa học Đại học Văn Hiến; ISSN: 1859-2961	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		8(3), 59-72	2022
19	Vai trò của chuyển đổi số đối với tăng trưởng kinh tế vùng Đông Nam Bộ https://jabes.ueh.edu.vn/Home/SearchArticle?article_Id=c6484686-ec5b-403f-9dc4-2c9ff7f2931b	2	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí nghiên cứu kinh tế và kinh doanh Châu Á (JABES);ISSN: 2615-9104	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		34(7), 53-66	2023
20	Nghiên cứu ý định tiêu dùng thực phẩm xanh của người dân trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh https://doi.org/10.59775/1859-3968.134	3	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học công nghệ Trường Đại học Hùng Vương; ISSN: 1859-3968	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		31(2), 34-45	2023
21	Tác động của chất lượng thể chế đến quy mô kinh tế phi chính thức tại Việt Nam https://vjol.info.vn/index.php/DHM-KTQTKD/article/view/84790	2	Tác giả đầu	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		18(4), 33-47	2023
22	Áp dụng mô hình cấu trúc bình phương bé nhất (PLS-SEM) trong mô hình đo lường vốn xã hội doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs) tại Việt Nam https://doi.org/10.59775/1859-3968.149	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học công nghệ Trường Đại học Hùng Vương; ISSN: 1859-3968	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		32(3), 28-38	2023
23	Nghiên cứu ý định sử dụng ngân hàng điện tử của khách hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh https://doi.org/10.59294/HIUIJS.21.2023.36	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng, ISSN: 2615 - 9686	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN	1	22(1), 39-46	2023

24	Modeling quality of life of Ho Chi Minh City dwellers http://doi.org/10.11591/ijphs.v12i3.23002	5		International Journal of Public Health Science (IJPHS). ISSN: 22528806, 26204126	Q4	1	12(3) , 1249 - 1258	2023
25	Renewable energy consumption for roadmap towards sustainable development of Vietnam: empirical evidence from Asian countries	3	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	The International Conference on Economics, Law and Government: Accelerating Inclusive Green Transition in Developing Countries. ISBN: 978-604-80-8707-4	Hội thảo quốc tế		49-60	2023
26	Measuring healthcare utilization inequality in Vietnam	3	Tác giả liên hệ	The International Conference on Economics, Law and Government: Accelerating Inclusive Green Transition in Developing Countries. ISBN: 978-604-80-8707-4	Hội thảo quốc tế		61-70	2023
27	Impacts of ethical leadership, innovative climate on project success: the role of innovative behavior and time pressure https://doi.org/10.1108/BJM-01-2023-0001	2		Baltic Journal of Management	Q2, IF: 2,24	14	19(1) , 19-35	2023
28	Modeling the Quality of Urban Life using Grey Analytical Hierarchy Process https://www.temjournal.com/content/121/TEMJournalFebruary2023_52_58.html	3		TEM Journal; ISSN: ISSN 2217-8309	Q3	1	12(1) , 52-58	2023
29	Tham nhũng và kinh tế phi chính thức: Bằng chứng tại Việt Nam	2	Tác giả đầu	Tạp chí nghiên cứu kinh tế; ISSN: 0866-7489	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		2(537), 20-29	2023
30	The role of budget imbalance in public spending–underground economy nexus: evidence from OECD countries https://doi.org/10.1108/IJSE-09-2022-0645	2	Tác giả đầu	International Journal of Social Economics. ISSN: 0306-8293	Q2, IF: 1,9	3	50(7) , 992-1006	2023
31	The nexus of economic growth, digital finance and environmental sustainability in the context of	2	Tác giả đầu	The international conference on Economics, Law and Government (ELG 2024). Approaches to the	Hội thảo quốc tế		166-176	2024

	escalated climate change: a global perspective			twin transitions: digitalization and climate change in developing countries. ISBN: 978-604-346-371-2				
32	Climate change and firm performance: the case of top 100 largest companies in Vietnam	2	Tác giả liên hệ	The international conference on Economics, Law and Government (ELG 2024). Approaches to the twin transitions: digitalization and climate change in developing countries. ISBN: 978-604-346-371-2	Hội thảo quốc tế		177-192	2024
33	Nghiên cứu các yếu tố tác động đến ý định khởi nghiệp của sinh viên các trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/2558	3	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN	1	19(2), 72-85	2024
34	Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của thể hệ Z https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/2618	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		19(3), 4-16	2024
35	Khám phá mối quan hệ giữa nhận thức kiểm soát hành vi và ý định khởi nghiệp của sinh viên - Vai trò trung gian của định hướng khởi nghiệp https://vjol.info.vn/index.php/DHM-KTQTKD/article/download/107050/90027/	3	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		19(12), 45-60	2024
36	Chuyển đổi số và tăng trưởng kinh tế: Bằng chứng tại Vùng Đông Nam Bộ, Việt Nam https://vjol.info.vn/index.php/tcvienkinhteVNvathegioi/article/view/112390/94192	2	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Tạp chí nghiên cứu kinh tế; ISSN: 0866-7489	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		6(553), 12-21	2024
37	The relationships between some macro indicators and digitalization process: A study in the Southeast region in Vietnam https://vjol.info.vn/index.php/DHM-KTQTKD/article/download/107050/90027/	1	Tác giả đầu, tác giả liên hệ	Ho Chi Minh City Open University Journal of Science-Economics and Business Administration; ISSN: 2734-9314, e-ISSN: 2734-9586	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		14(3), 44-58	2024

38	Analyzing the determinants of healthcare utilization inequity in the Vietnam economy https://doi.org/10.18488/35.v1i1.3613	3		Journal of Social Economics Research; ISSN: 23126264, 23126329	Q4		11(1), 98-110	2024
39	Social capital and Corporate Resilience: The case of small and medium enterprises in Vietnam https://doi.org/10.18488/11.v13i2.3714	3		International Journal of Management and Sustainability; 23060662, 23069856	Q3		13(2), 337-350	2024
40	Constructing a resilience measurement model for small and medium-sized enterprises in Vietnam https://doi.org/10.15549/jeecar.v1i13.1590	3		Journal of Eastern European and Central Asian Research	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN	7	11(3), 526-536	2024
41	Does public debt moderate government spending-informal economy nexus? Evidence from the Asian countries https://doi.org/10.1108/IJSSP-01-2024-0003	2		International Journal of Sociology and Social Policy; ISSN: 0144-333X	Q1, IF: 1,2	1	44(7/8), 629-642	2024
42	E-learning Quality and the Learners' Choice Using Spherical Fuzzy Analytic Hierarchy Process Decision-making Approach https://doi.org/10.1177/02560909241255003	4		Vikalpa: The Journal for Decision Maker; ISSN: 02560909, 23953799	Q3	3	49(2), 1-14	2024
43	Investigating the e-learning choice under the learners' perspective using demand driven learning model: insights from Vietnam https://doi.org/10.1038/s41598-024-78488-y	4		Scientific Reports; ISSN 2045-2322 (online)	Q1, IF: 3,8	2	14, 27437 (2024)	2024
44	Exploring the Role of Social Capital in Urban Resilience for Sustainable Development: The Case of Ho Chi Minh City in Vietnam https://doi.org/10.18280/ijssdp.190833	2	Tác giả liên hệ	International Journal of Sustainable Development and Planning; ISSN 1743-7601 (Print): 1743-761X (Online)	Q3	3	19(8), 3213-3223	2024
45	Impact of e-government on citizen engagement: the role of government reputation and digital divide https://doi.org/10.1108/JICES-08-2023-0109	2		Journal of Information, Communication and Ethics in Society, ISSN 1477-996X; e-ISSN: 1758-8871	Q1, IF: 1,6	1	22(4), 419-433	2024

46	Đo lường khả năng phục hồi của người dân đô thị trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại Thành phố Hồ Chí Minh https://journalofscience.ou.edu.vn/index.php/econ-vi/article/view/3772	2	Tác giả liên hệ	Tạp chí Khoa học Đại học Mở TP.HCM- Kinh tế và Quản trị Kinh doanh; ISSN: 2735 9306; e-ISSN: 2734-9578	Tạp chí thuộc HĐCD GSNN		20(5),3-18	2025
47	Measuring bonding, bridging and linking dimensions of social capital: the case of city-dwellers in Vietnam https://doi.org/10.1080/23311886.2025.2490676	2	Tác giả liên hệ	Cogent Social Sciences, ISSN: 23311886	Q2		11(1),1-17	2025

(*) Số lần trích dẫn được thống kê theo google scholar:

https://scholar.google.com/citations?hl=en&user=r9JiPCAAAAAJ&view_op=list_works&sortby=pubdate

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: **03** bài, bao gồm bài: **30, 44 và 47**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

Không

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao): Không

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế: Không

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh ☐ GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Nguyễn Lê Hoàng Thụy Tố Quyên